

Số: *3410*/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày *03* tháng *12* năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: **phê duyệt Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg;

Căn cứ Văn bản số 6483/BCT-CNĐP ngày 30/6/2015 của Bộ Công Thương về thỏa thuận Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 1446/TTr-SCT ngày 06 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”. Bao gồm các nội dung cơ bản sau (*Quy hoạch chi tiết kèm theo*):

I. Tên Quy hoạch:

Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

II. Quan điểm phát triển

- Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp (CCN) phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 - 2020 và phù hợp với các quy hoạch khác như: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông, quy hoạch đô thị, quy hoạch diện tích đất lúa đảm bảo an ninh lương thực, quy hoạch điện, nước, thông tin liên lạc.v.v. Phát triển CCN của tỉnh gắn với không gian công nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ, tam giác kinh tế Hà Nội, Hải phòng, Quảng Ninh.

- Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp gắn liền với quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (*bao gồm hạ tầng kỹ thuật trong CCN và hạ tầng kỹ thuật khu vực bên ngoài CCN*), phù hợp với hiện trạng phân bố các ngành thủ công truyền thống và hạ tầng xã hội của khu vực, đảm bảo yêu cầu trước mắt và lâu dài.

- Không phát triển các CCN ở khu vực đông dân cư, khu vực nội đô, gây ô nhiễm môi trường và tắc nghẽn giao thông đô thị. Ưu tiên phát triển CCN có ngành nghề có lợi thế so sánh về lao động, tài nguyên, nguyên liệu của địa phương; lựa chọn đầu tư xây dựng một số CCN với trình độ công nghệ cao phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh; tạo động lực phát triển mạnh trong giai đoạn tới.

- Phát triển các CCN gắn liền với đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái theo định hướng phát triển công nghiệp bền vững; liên kết với các khu công nghiệp, trung tâm kinh tế, gắn với dịch vụ thương mại; tổ chức phân bố lại các cơ sở sản xuất công nghiệp một cách hài hòa giữa thành thị và nông thôn, giữa các địa phương trong tỉnh;

- Tận dụng tối đa lợi thế về hạ tầng giao thông mới để phát triển CCN. Đối với những địa phương không có hoặc không nhiều làng nghề thủ công, phương án hình thành CCN theo hướng phát triển ngành công nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ. Những địa phương có ngành nghề thủ công, làng nghề phát triển, phương án quy hoạch CCN tập trung khai thác những tiềm năng ngành nghề sẵn có của địa phương.

III. Mục tiêu phát triển

1) Giai đoạn đến năm 2020:

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các CCN đã hình thành. Mở rộng một số cụm công nghiệp có điều kiện phát triển thuận lợi và thành lập mới một số cụm công nghiệp với diện tích tăng thêm khoảng 500-600 ha, phát triển tổng diện tích đất các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 lên khoảng từ 1.900 đến 2.000 ha.

- Thu hút đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất, dịch vụ vào cụm công nghiệp. Phân đấu đến năm 2020, tỷ lệ lấp đầy bình quân các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt trên 75%; thu hút thêm khoảng 4.000 - 4.500 tỷ đồng vốn

đầu tư vào phát triển sản xuất tại cụm công nghiệp; tạo thêm việc làm mới cho 15-20 nghìn lao động.

2) Định hướng giai đoạn 2021 - 2025

- Tiếp tục đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của các CCN. Ưu tiên thành lập mới một số cụm công nghiệp để phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế như: chế biến nông sản; sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu xây dựng mới; thủ công mỹ nghệ; công nghiệp phục vụ nông nghiệp... Ưu tiên thu hút đầu tư vào CCN các dự án thuộc các ngành “*công nghiệp sạch*”, sử dụng công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường, có giá trị tăng thêm và hiệu quả cao.

- Mở rộng và thành lập mới một số cụm công nghiệp với diện tích tăng thêm khoảng 200 - 300 ha, tổng diện tích các cụm công nghiệp đến năm 2025 đạt từ 2.100 đến 2.300 ha.

- Phân đầu đến năm 2025, tỷ lệ lấp đầy bình quân các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt trên 85% diện tích đất công nghiệp; thu hút thêm khoảng 4.500 - 5.000 tỷ đồng vốn đầu tư vào phát triển sản xuất tại cụm công nghiệp; tạo thêm việc làm cho 25 - 30 nghìn lao động.

IV. Phương án quy hoạch phát triển CCN trên địa bàn tỉnh

1) Giai đoạn đến năm 2020

a) Đối với các CCN đã hình thành: Tiếp tục duy trì hoạt động của 32 CCN đã hình thành; trong đó, giữ nguyên quy mô diện tích 31 CCN, điều chỉnh giảm diện tích 01 CCN, Cụ thể như sau:

- Tiếp tục duy trì hoạt động của các CCN:

+ Thành phố Hải Dương: 04 CCN, gồm: Cẩm Thượng, Tây Ngô Quyền, Ba Hàng, Việt Hòa.

+ Thị xã Chí Linh: 04 CCN, gồm: Văn An 1, Văn An 2, Hoàng Tân, Tân Dân.

+ Huyện Bình Giang: 04 CCN, gồm: Hưng Thịnh, Ven đường 20, Nhân Quyền, Tráng Liệt.

+ Huyện Cẩm Giàng: 03 CCN, gồm: Cao An, Lương Điền và Cụm CN làng nghề Lương Điền.

+ Huyện Gia Lộc: CCN Gia Xuyên.

+ Huyện Kim Thành: 03 CCN, gồm: Quỳnh Phúc, Kim Lương, Cộng Hòa.

+ Huyện Kinh Môn: 04 CCN, gồm: Phú Thứ, Duy Tân, Long Xuyên, Hiệp Sơn.

+ Huyện Nam Sách: CCN An Đồng.

+ Huyện Ninh Giang: CCN Nghĩa An.

+ Huyện Thanh Miện: 03 CCN, gồm: Cao Thắng, Đoàn Tùng, Thanh Giang - Ngũ Hùng.

+ Huyện Tứ Kỳ: 04 CCN, gồm: Ngọc Sơn, Kỳ Sơn, Văn Tổ, Nguyên Giáp (Trong đó: CCN Văn Tổ được điều chỉnh ranh giới, vị trí và điều chỉnh giảm quy mô diện tích CCN Nguyên Giáp xuống còn khoảng 50 ha).

b) Bổ sung Quy hoạch phát triển thêm 10 CCN mới, cụ thể:

- Huyện Kinh Môn: 02 CCN, gồm: CCN An Phụ, diện tích khoảng 50 ha; CCN Thăng Long - Quang Trung, diện tích khoảng 50 ha;

- Huyện Kim Thành: CCN Cổ Dũng - Cộng Hòa, diện tích khoảng 22 ha;

- Huyện Nam Sách: 02 CCN, gồm: CCN Đồng Lạc, diện tích khoảng 50 ha; CCN Nam Hồng - Hồng Phong, diện tích khoảng 50 ha;

- Huyện Thanh Hà: 02 CCN, gồm: CCN Quyết Thắng - Tiên Tiến, diện tích khoảng 50 ha; CCN Hà Đông 1, diện tích khoảng 50 ha;

- Huyện Bình Giang: CCN Bình Minh - Tân Hồng, diện tích khoảng 48 ha;

- Huyện Ninh Giang: CCN Hồng Phúc-Hung Long, diện tích khoảng 50 ha;

- Thị xã Chí Linh: CCN Văn Đức, diện tích khoảng 50 ha;

c) Rút khỏi danh sách quy hoạch 06 cụm công nghiệp gồm: CCN Tứ Cường (huyện Thanh Miện); CCN Đồng Tâm (huyện Ninh Giang); CCN Hồng Lạc (huyện Thanh Hà); CCN Hoàng Diệu (huyện Gia Lộc); CCN Đồng Lạc, CCN Cộng Hòa (thị xã Chí Linh).

b) Định hướng đến năm 2025:

Quy hoạch phát triển mới 03 CCN, quy mô mỗi cụm khoảng 50 ha gồm:

- CCN Đại Đức - Tam Kỳ (huyện Kim Thành);

- CCN Tân Phong (huyện Ninh Giang);

- CCN Hà Đông 2 (huyện Thanh Hà).

(Danh mục Quy hoạch các CCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

6. Các giải pháp thực hiện quy hoạch.

a) Tăng cường quản lý Nhà nước đối với các CCN; khuyến khích xây dựng, hoàn thiện hạ tầng các CCN đã hình thành;

b) Tăng cường quản lý quy hoạch phát triển các CCN;

c) Chính sách và giải pháp về vốn đầu tư xây dựng hạ tầng CCN;

d) Các giải pháp, chính sách về đất đai;

e) Các giải pháp, chính sách về khoa học và công nghệ;

f) Các giải pháp về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

g) Các chính sách và giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;

h) Các chính sách và giải pháp về xã hội.

Điều 2. Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tham mưu tổ chức thực hiện quy hoạch.

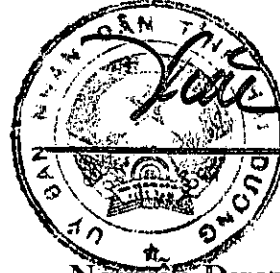
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

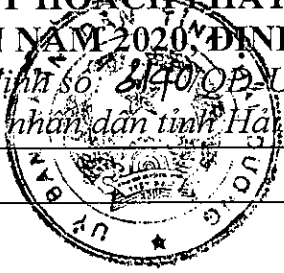
- Như điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công TTĐT Hải Dương;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. (40b)Nam

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

DANH MỤC QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CCN
TỈNH HẢI DƯƠNG ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2140/QĐ-UBND, ngày 03/12/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)



Đơn vị tính: ha

S TT	Tên, địa điểm Cụm công nghiệp	Diện tích các CCN theo phương án QH	
		Diện tích theo QH chi tiết xây dựng đã phê duyệt	Diện tích QH đến năm 2020, định hướng năm 2025
I	CCN tiếp tục được quy hoạch		
1	Việt Hoà (Phường Việt Hòa, TP Hải Dương)	44.89	44.89
2	Cầm Thượng (Phường Cầm Thượng, TPHD)	72.32	72.32
3	Tây Ngô Quyền (Phường Thanh Bình, TPHD)	19.36	19.36
4	Ba Hàng (Phường Ái Quốc, TP Hải Dương)	46.20	46.42
5	Cao An (Xã Cao An, Huyện Cẩm Giàng)	46.31	46.31
6	Lương Điền (xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng)	35.69	35.69
7	Cụm LN Lương Điền (xã Lương Điền, Cẩm Giàng)	39.36	39.36
8	Đoàn Tùng (xã Đoàn Tùng, Huyện Thanh Miện)	35.14	35.14
9	Ngũ Hùng (xã Ngũ Hùng Huyện Thanh Miện)	51.00	51.00
10	Cao Thắng (xã Cao Thắng, Huyện Thanh Miện)	48.52	48.52
11	Nghĩa An (xã Nghĩa An, Huyện Ninh Giang)	34.50	34.50
12	Kỳ Sơn (xã Kỳ Sơn, Huyện Tứ Kỳ)	53.26	53.26
13	Ngọc Sơn (xã Ngọc Sơn, Huyện Tứ Kỳ)	59.52	59.52
14	Văn Tố (xã Văn Tố Huyện Tứ Kỳ)	35.12	35.12
15	Gia Xuyên (xã Gia Xuyên, Huyện Gia Lộc)	68.10	68.10
16	An Đông (xã An Đông, Huyện Nam Sách)	35.18	35.18
17	Quỳnh Phúc (xã Phúc Thành, Huyện Kim Thành)	48.90	48.90
18	Cộng Hoà (xã Cộng Hoà, Huyện Kim Thành)	59.08	59.08
19	Kim Lương (xã Kim Lương, Huyện Kim Thành)	31.11	31.11
20	Hiệp Sơn (xã Hiệp Sơn, Huyện Kinh Môn)	31.84	31.84
21	Phú Thứ (xã Phú Thứ, Huyện Kinh Môn)	64.53	64.53
22	Duy Tân (xã Duy Tân, Huyện Kinh Môn)	43.58	43.58
23	Long Xuyên (xã Long Xuyên, Huyện Kih Môn)	61.96	61.96
24	Văn An 1 (P. Văn An, Thị xã Chí Linh)	13.69	13.69
25	Văn An 2 (P. Văn An, Thị xã Chí Linh)	14.70	14.70
26	Tân Dân (xã Tân Dân, Thị xã Chí Linh)	25.44	25.44

27	Hoàng Tân (P. Hoàng Tân, Thị xã Chí Linh)	48.30	48.30
28	Hung Thịnh (xã Hung Thịnh, Huyện Bình Giang)	49.96	49.96
29	Ven đường 20 (xã Vĩnh Hồng, Huyện Bình Giang)	44.72	44.72
30	Nhân Quyền (xã Nhân Quyền, Huyện Bình Giang)	42.40	42.40
31	Tráng Liệt (xã Tráng Liệt, Huyện Bình Giang)	27.74	27.74
	Cộng	1.332,42	1.332,42
II	CCN điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo hướng giảm quy mô diện tích		
1	Nguyên Giáp (xã Nguyên Giáp, Huyện Tứ Kỳ)	102.64	50.00
III	CCN rút khỏi quy hoạch		
1	Đông Tâm – (xã Đông Tâm, huyện Ninh Giang)	42.65	0
2	Hoàng Diệu – (xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc)	66.57	0
3	Tứ Cường – (xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện)	39.04	0
4	Hồng Lạc – (xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà)	33.14	0
5	Cộng Hoà (P. Cộng Hòa, Thị xã Chí Linh)	22.45	
6	Đông Lạc – (xã Đông Lạc, thị xã Chí Linh)	107.76	0
	Cộng	311,61	0
IV	CCN quy hoạch mới đến năm 2020		
1	An Phụ (huyện Kinh Môn)		50,00
2	Thăng Long–Quang Trung (huyện Kinh Môn)		50,00
3	Cổ Dũng –Cộng Hòa (huyện Kim Thành)		22,00
4	Đông Lạc (huyện Nam Sách)		50,00
5	Nam Hồng –Hồng Phong (huyện Nam Sách)		50,00
6	Quyết Thắng - Tiên Tiên (huyện Thanh Hà)		50,00
7	Hà Đông 1 (huyện Thanh Hà)		50,00
8	Bình Minh–Tân Hồng (huyện Bình Giang)		48,00
9	Hồng Phúc–Hưng Long (huyện Ninh Giang)		50,00
10	Văn Đức (thị xã Chí Linh)		50,00
	Cộng		1.852,42
V	CCN định hướng phát triển đến năm 2025		
1	Đại Đức - Tam Kỳ (huyện Kim Thành)		50,00
2	Tân Phong (huyện Ninh Giang)		50,00
3	Hà Đông 2 (huyện Thanh Hà)		50,00
	Tổng cộng		2.002,42